

Số: 440/TM-BVTC
V/v Mời chào giá vật tư y tế, hóa chất,
y dụng cụ

Tân Châu, ngày 07 tháng 5 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua vật tư y tế, hóa chất, y dụng cụ; để đảm bảo đơn vị có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị báo giá:

1. Tên đơn vị báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Địa chỉ số 485, Đường Nguyễn Tri Phương, phường Tân Châu, tỉnh An Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DS. Võ Thị Kiều Oanh : 083.521.3004

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Các đơn vị báo giá gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về: Phòng VT-TBYT - Bệnh viện Đa khoa Tân Châu. Địa chỉ: số 485, Đường Nguyễn Tri Phương, phường Tân Châu, tỉnh An Giang, gồm 02 bản chính.

- Và đồng thời gửi bản mềm file excel theo địa chỉ email:
phongvattuthietbiytebvtc@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ ngày ra thông báo đến trước 17h 00 phút ngày 17 tháng 05 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian và hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 17 tháng 05 năm 2026.

6. Thông báo yêu cầu báo giá được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

II. Nội dung của yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: *(Phụ lục đính kèm)*
2. Báo giá hợp lệ: Báo giá ghi rõ đơn vị ký và đóng dấu, giá đã bao gồm thuế và chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo hành và các chi phí khác (nếu có).
3. Danh mục tài liệu đính kèm: **Quyết định trúng thầu rộng rãi của các mặt hàng nêu trên, được ban hành trong thời gian không quá 10 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (nếu có).**
4. Thời gian thực hiện dự kiến: năm 2026.

Bệnh viện Đa khoa Tân Châu trân trọng thông báo. *pho*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng KHTH đăng website bệnh viện;
Trang đấu thầu điện tử quốc gia.
- Lưu: VT, VT-TBYT.



BSC KIL. Nguyễn Văn No

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm Thư mời chào giá số 440/TM-BVTC ngày 07 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu)

[Thông tin Công ty...]

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: **Bệnh viện Đa khoa Tân Châu.**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Tân Châu, Công ty...hân hạnh gửi đến Quý Bệnh viện bảng báo giá, cụ thể như sau:

1. Báo giá cho mặt hàng, gồm:

ST T	Mã SP	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu, mã hàng hóa	GPLH hoặc GPNK hoặc PTN, HSCB TIÊU CHUẨN TTBYT	Thông số, tính năng kỹ thuật hoặc tương đương	Hạn dùng/ Ngày sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (VAT)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)	Giá kê khai
1															
<i>Tổng cộng:.....mặt hàng</i>															

2. Bảng báo giá có hiệu lực trong vòng 180 ngày, kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2026**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trên là trung thực.

Ngày..... Tháng..... năm

CÔNG TY.....

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời chào giá số 440/TB-BVTC ngày 07 tháng 5 năm 2026 của
Bệnh viện Đa khoa Tân Châu)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Composite đặc	Chất liệu: Là vật liệu composite quang trùng hợp, tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn... Tuýp: $\geq 3g$. Màu: A2, A3, A3.5 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Tuýp	12	
2	Keo dán composite nha khoa (2 bước)	Keo dán quang trùng hợp công nghệ hạt độ nano. Lực dán cao, dán được cả trên bề mặt khô và ướt. Sử dụng trong kỹ thuật dán total-etch Lọ 6ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Lọ	2	
3	Keo dán composite nha khoa (1 bước)	Keo dán quang trùng hợp công nghệ hạt độ nano. Lực dán cao, dán được cả trên bề mặt khô và ướt. Sử dụng được trong tất cả các kỹ thuật dán Lọ: $\geq 5ml$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Lọ	2	
4	Đai nhám kẽ kim loại	Nhám kẽ có độ mỏng phù hợp, có tác dụng đánh bóng tiếp xúc bên sau khi trám. Có thể hấp sau khi sử dụng. Màu: Đỏ, vàng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Miếng	24	
5	Hydroxide canxi che tủy (loại chiếu đèn)	Vật liệu lót và che tủy có hoạt tính sinh học cao, trùng hợp khi chiếu đèn. Thành phần: canxi hydroxide Quy cách: $\geq 1,2ml$.	Tuýp	2	
6	Xi măng trám răng GIC	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích flour. Thành phần: Glass ionomer hóa trùng hợp, flour thủy tinh chứa strontium. Quy cách: hộp (15g : 8ml) Chủng loại: FUJI 9	Hộp	2	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Mũi khoan Endo z	Chất liệu: Hợp kim wolfram. Kích thước: 25mm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE (hoặc tương đương)	Mũi	5	
15	Mũi khoan kim cương trụ nhọn (TC)	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Kích thước: Đường kính đầu mũi từ 1mm đến 1.4mm. Độ dài phần làm việc: Từ 8mm đến 10mm. Màu: vàng, đỏ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE (hoặc tương đương)	Mũi	100	
16	Mũi khoan kim cương trụ tròn đầu (TR)	- Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Kích thước: Đường kính đầu mũi từ 1.3 mm đến 1.7mm. Độ dài phần làm việc: Từ 9mm đến 10mm Màu: vàng, xanh dương, đen Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/ CE (hoặc tương đương)	Mũi	250	
17	Cevintron trám tạm	Vật liệu trám tạm nha khoa. Dạng trộn sẵn. Tính chất: Tự đông cứng trong môi trường miệng (khi tiếp xúc với nước bọt). Lọ: $\geq 30g$. Màu sắc: trắng.	Lọ	5	
18	Trâm gai (kim lấy tủy)	Chất liệu: thép không gỉ (stainless steel). Chiều dài làm việc: 21mm. Màu: tím, trắng, vàng, đỏ, xanh. Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Cây	300	
19	Trâm K file dài 25 mm	Chất liệu: thép không gỉ (stainless steel). Chiều dài: 25mm. Màu sắc: tím, trắng, vàng, đỏ, xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Cây	210	
20	Trâm K file dài 21 mm	Chất liệu: thép không gỉ (stainless steel). Chiều dài: 21mm. Màu sắc: tím, trắng, vàng, đỏ, xanh dương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485/ CE hoặc tương đương.	Cây	150	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Sáp Vaseline	Tác dụng: cô lập, bảo vệ bề mặt miềng trám. Thành phần: Hydrogenate, linolenic acid, linoleic acid.... Hộp: $\geq 50g$	Hộp	3	
32	Mặt gương	Mặt gương khám dùng trong nha khoa, hình tròn, bóng rõ nét, dễ dàng quan sát góc khuất trong miềng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Cái	50	
33	Thăm trám	Cấu tạo: Có tay cầm dài, đầu tận cùng nhọn và mảnh, có thể thẳng hoặc cong (hình móc câu, hình dấu hỏi). Công dụng: Thăm dò sâu răng, kiểm tra vôi răng, kiểm tra chất lượng phục hình. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Cây	10	
34	Kéo cắt chỉ cong $\leq 12cm$	Chiều dài: $\leq 12 cm$. Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, có khả năng chịu nhiệt cao để hấp sấy tiệt trùng nhiều lần. Thiết kế: Đầu kéo cong giúp bác sĩ dễ dàng luồn lách vào các vị trí khó trong khoang miềng, cắt chỉ khâu sau phẫu thuật nướu hoặc nhổ răng khôn mà không làm tổn thương mô mềm xung quanh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Cây	5	
35	Kéo cắt chỉ thẳng $\leq 12cm$	Kích thước $\leq 12cm$ Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) chuyên dụng y tế, cho phép hấp sấy tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Thiết kế: Hai lưỡi kéo thẳng, mảnh và nhọn giúp cắt chỉ khâu chính xác ở các vị trí bề mặt hoặc các vùng dễ tiếp cận trong khoang miềng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.	Cây	5	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	Cán dao số 3	<p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, có vạch chia độ (thước đo) trên thân cán.</p> <p>Tương thích lưỡi dao: Chuyên dùng để lắp các loại lưỡi dao nhỏ như: số 10, 11, 12 và 15. (Đây là các lưỡi dao sắc nhọn, mảnh dùng cho rạch da, nướu hoặc bóc tách mô nhỏ).</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.</p>	Cây	2	
41	Cán dao số 7	<p>Kích thước: 16 cm.</p> <p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp. Hình dáng: thân dài, mảnh dẹt. Tương thích lưỡi dao: Chuyên dùng để lắp các loại lưỡi dao nhỏ như: số 10, 11, 12 và 15.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.</p>	Cây	2	
42	Kèm sừng bò	<p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, bề mặt nhám ở cán cầm để chống trượt</p> <p>Hai càng kìm có hình dạng cong nhọn, đối xứng nhau.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.</p>	Cây	5	
43	Kèm nhỏ răng cối lớn hàm dưới (86A)	<p>Cấu tạo: Cán kìm và mỏ kìm: Tạo thành một góc gần như vuông góc (90 độ). Mỏ kìm: Hai mỏ đối xứng, có mấu nhọn ở giữa mỗi mỏ để lách vào kẽ giữa hai chân răng (răng cối dưới thường có 2 chân: gần và xa).</p> <p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, có rãnh nhám ở tay cầm để tăng độ bám.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485/CE hoặc tương đương.</p>	Cây	5	
44	Nạy thẳng số 1 (nhỏ) (Mỏng)	<p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, chịu được lực uốn và lực vặn lớn.</p> <p>Cấu tạo: Tay cầm to, hình trụ hoặc hình quả lê, có rãnh nhám để bác sĩ cầm nắm chắc chắn, tạo lực đòn bẩy tốt. Thân và lưỡi nạy thẳng, đầu lưỡi hình thìa mảnh và hơi lõm ở mặt trong.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cây	5	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	Nay khâu nhỏ răng	<p>Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel) cao cấp, có độ đàn hồi và chịu lực vận cực tốt</p> <p>Lưỡi nay: Có hình dáng thuôn dài, mỏng và nhọn dần về phía đầu, trông giống như lá lúa. Mặt trong hơi lõm để ôm sát bề mặt cong của chân răng.</p> <p>Thân nay: Thiết kế dạng khâu (gập góc) mạnh, giúp tạo lực bẫy rất lớn trong không gian hẹp của góc hàm.</p> <p>Cán cầm: Thường có hình quả lê hoặc hình trụ lớn để bác sĩ có thể dồn lực vận xoay tối đa.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485/CE hoặc tương đương</p>	Cặp	3	
50	Đèn trám quang trùng hợp (Không dây)	<p>Công nghệ phát sáng LED</p> <p>Thiết kế gọn nhẹ, không dây</p> <p>Cường độ ánh sáng 1000mW/cm²-1200mW/cm²</p> <p>Có thể điều chỉnh thời gian chiếu, cường độ chiếu</p> <p>Chế độ tự động tắt để tiết kiệm điện</p>	Cái	1	
51	Máy định vị chóp (Thế hệ V)	<p>Máy định vị chóp đo chiều dài ống tủy chính xác, hỗ trợ nội nha hiệu quả.</p> <p>Màn hình: LCD màu, hiển thị rõ ràng.</p> <p>Thế hệ V</p> <p>Công nghệ tần số vô tuyến giúp đo chính xác trong mọi môi trường ống tủy</p> <p>Kết quả đo chính xác 98%</p>	Cái	1	
52	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium	<p>Hóa chất dùng xét nghiệm Calcium.</p> <p>Tương thích với máy AU480.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 / CE hoặc tương đương.</p>	ml	1.000	
Tổng cộng: 52 mặt hàng.					